

Bản án số: **19/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 22/5/2020

*“Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thời và bà Nguyễn Thị Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 74/2020/ST-HNGĐ ngày 21/02/2020 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Tiến C, sinh năm 1981.

Đầu ĐKKHKT: Đội 3, xã Phạm K, huyện Thanh M, Hải Dương.

Đầu đăng ký tạm trú: Số 1A, ngõ 352 đường Điện B, khu 8, phường BH, thành phố Hải Dương, Hải Dương.

(Có mặt chị L, vắng mặt anh C).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Tiến C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phạm K, huyện Thanh M, Hải Dương vào ngày 30/10/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại gia đình nhà chồng ở xã Phạm K, huyện Thanh M. Đến năm 2010, anh chị và các con chuyển đến thành phố Hải Dương sinh sống. Và cách đây vài năm, anh chị mua được nhà đất ở địa chỉ số 1A đường Điện B, khu 8, phường BH, thành phố Hải Dương để ở. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về

tình cảm và kinh tế. Anh C thường cấm đoán chị giao lưu với bạn bè và hàng xóm. Vì vậy, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, anh C đánh chị nhiều lần. Tháng 2 năm 2019, chị đã làm đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó cho anh C cơ hội sửa sai nên chị đã rút đơn. Sau khi rút đơn, vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau nhưng anh C tính cách không thay đổi, vẫn thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Anh chị vẫn sống chung một nhà nhưng không ngủ cùng và nói chuyện với nhau. Chị xác định chị không còn tình cảm với anh C nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đỗ Trang A, sinh ngày 19/10/2003, Đỗ Hải L1, sinh ngày 11/10/2005 và Đỗ Thanh Tr, sinh ngày 29/7/2013. Hiện chị là nhân viên của quán Spa N ở thành phố Hải Dương, thu nhập là 05 triệu đồng/tháng. Ngoài ra, chị còn nhận công việc lắp ráp điện tử tại nhà của công ty TNHH MTV Hà A, thu nhập là 3.500.000đ/tháng. Chị có công việc và thu nhập ổn định nên khi ly hôn, chị L đề nghị được nuôi hai cháu L1 và Tr, còn để anh C nuôi cháu Trang A, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không có công sức đóng góp chung với gia đình nội, ngoại hai bên.

** Bị đơn anh Đỗ Tiến C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về việc anh chị kết hôn và chuyển đến thành phố Hải Dương sinh sống như chị L trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Khoảng tháng 8/2018 sau khi vợ chồng cãi nhau, chị L tự bỏ nhà đi 08 tháng và trong thời gian này chị L gửi đơn ly hôn đến Tòa án. Anh chị đã được Tòa án hòa giải và chị L rút đơn khởi kiện, vợ chồng tiếp tục về chung sống với nhau. Trong năm 2019, chị L nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác nên ghen tuông. Anh có giải thích nhưng chị không nghe. Ngoài ra, vợ chồng còn bất đồng quan điểm về công việc của chị L. Anh muốn chị L ở nhà nội trợ và chăm sóc các con nhưng chị L không đồng ý, muốn ra ngoài đi làm thuê. Vì vậy, anh chị thường xảy ra cãi nhau, trong lúc nóng giận anh có đánh chị L một vài lần. Hiện, anh chị vẫn sống chung một nhà nhưng không ngủ cùng từ Mùng 4 Tết năm 2020 cho đến nay. Mong muốn của anh là chị L rút đơn khởi kiện, vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh buộc phải đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị L trình bày. Anh đề nghị anh được nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh góp vốn mở công ty để kinh doanh đồ điện gia dụng, thu nhập hàng tháng là 40 đến 50 triệu đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Nếu vợ chồng có ly hôn thì anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kết quả cung cấp của UBND xã Phạm K, Thanh M: Chị L và anh C kết*

hôn tại UBND xã Phạm K, huyện Thanh M, Hải Dương vào ngày 30/10/2002. Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung như anh chị trình bày ở trên.

* Kết quả xác minh tại khu dân cư số 8, phường BH, TP. Hải Dương: Chị L và anh C là vợ chồng, có 03 con chung. Cả gia đình chuyển đến sinh sống ở khu 8, phường BH được 3 đến 4 năm nay. Quá trình chung sống, các hộ dân xung quanh phản ánh anh C thỉnh thoảng uống rượu và có vài lần đánh chị L. Mâu thuẫn của anh chị kéo dài, đỉnh điểm là cuối năm 2019 anh chị xảy ra đánh cãi chửi nhau. Quan điểm của khu dân cư đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ cùng nuôi dạy các con, trường hợp chị L cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày với Tòa án.

- Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại BLTTDS. Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS. Ý kiến về giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ xử: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đỗ Tiến C. Về con chung, giao cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Đỗ Hải L1 và Đỗ Thanh Tr; giao cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đỗ Trang A; anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về án phí, chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung. Hiện bị đơn đang cư trú tại khu 8, phường BH, TP. Hải Dương. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xem xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và kết quả xác minh với các cơ quan có thẩm quyền thấy rằng: Chị L và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phạm K, huyện Thanh M, Hải Dương vào ngày

30/10/2002, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh chị bất đồng quan điểm sống và không tin tưởng nhau về tình cảm nên thường xảy ra đánh, cãi nhau. Tháng 2/2019, chị L đã làm đơn khởi kiện ly hôn đến TAND thành phố Hải Dương nhưng sau đó chị đã rút đơn để đoàn tụ và TAND thành phố Hải Dương đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2019. Nhưng đến nay, tình cảm vợ chồng không cải thiện được, tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Anh C mong muốn được đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào hiệu quả. Xét chị L và anh C chung sống không hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn anh C.

- Về con chung: Chị L và anh C có 03 con chung là Đỗ Trang A, sinh ngày 19/10/2003; Đỗ Hải L1, sinh ngày 11/10/2005 và Đỗ Thanh Tr, sinh ngày 29/7/2013. Xét chị L và anh C đều có công việc, thu nhập và có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, nguyện vọng của cháu Trang A muốn được ở với anh C, cháu L1 muốn được ở với chị L, còn cháu Tr nhỏ tuổi. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con chung cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu L1 và cháu Tr, giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trang A. Chị L và anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đỗ Tiến C.

- Về quan hệ con chung:

+ Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Đỗ Hải L1, sinh ngày 11/10/2005 và Đỗ Thanh Tr, sinh ngày 29/7/2013, kể từ tháng 5/2020 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

+ Giao cho anh Đỗ Tiến C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đỗ Trang A, sinh ngày 19/10/2003, kể từ tháng 5/2020 cho đến khi con chung thành

niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Chị L và anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị L và anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc các con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000941 ngày 20/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị L đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Phạm K, Thanh M, HD;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hà